

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HẢI DƯƠNG  
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

DANH SÁCH  
CÁC CƠ SỞ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

| STT | Tên cơ sở                                                                                          | Tên chủ cơ sở       | Trình độ nhân lực |          | Địa chỉ            |               |                | Số Giấy chứng nhận |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|----------|--------------------|---------------|----------------|--------------------|
|     |                                                                                                    |                     | Trung cấp trở lên | Tập huấn | Xã/Phường/Thị trấn | Huyện/Quận    | Tỉnh/Thành phố |                    |
| I   | Danh sách cơ sở buôn bán phân bón được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2019 |                     |                   |          |                    |               |                |                    |
| 1   | Phạm Ngọc Bền                                                                                      | Phạm Ngọc Bền       |                   | x        | X. Thống Kênh      | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 01/GCN-BBP         |
| 2   | Vũ Ngọc Biền                                                                                       | Vũ Ngọc Biền        |                   | x        | X. Gia Lương       | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 02/GCN-BBP         |
| 3   | Hoàng Văn Quang                                                                                    | Hoàng Văn Quang     |                   | x        | X. Quốc Tuấn       | H. Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 03/GCN-BBP         |
| 4   | Nguyễn Thị Vân Anh                                                                                 | Nguyễn Thị Vân Anh  |                   | x        | X. Hoàng Tân       | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 04/GCN-BBP         |
| 5   | Nguyễn Thị Vĩnh                                                                                    | Nguyễn Thị Vĩnh     |                   | x        | X. Chí Minh        | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 05/GCN-BBP         |
| 6   | Đặng Quang Hưng                                                                                    | Đặng Quang Hưng     |                   | x        | P. Tân Bình        | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 06/GCN-BBP         |
| 7   | Phùng Thị Diễm Hằng                                                                                | Phùng Thị Diễm Hằng | x                 |          | 145 Bạch Đằng      | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 07/GCN-BBP         |
| 8   | Công ty TNHH MTV XNK                                                                               | Trần Trọng Vinh     |                   | x        | P. Thạch Khôi      | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 08/GCN-BBP         |
| 9   | Lê Thị Thiết                                                                                       |                     |                   | x        | X. Tuấn Hưng       | H. Kim Thành  | Tỉnh Hải Dương | 09/GCN-BBP         |

|    |                                         |                   |  |   |                 |               |                |            |
|----|-----------------------------------------|-------------------|--|---|-----------------|---------------|----------------|------------|
| 10 | Công ty Thương mại Dịch vụ Bình Sâm     | Phạm Hồng Quang   |  | x | X. Tân Trường   | H. Cẩm Giàng  | Tỉnh Hải Dương | 10/GCN-BBP |
| 11 | Bùi Thị Thu Nhanh                       | Bùi Thị Thu Nhanh |  | x | X. Hồng Dụ      | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 11/GCN-BBP |
| 12 | Công ty TNHH SX và Thương mại Tuấn Hiền | Nguyễn Quang Hiền |  | x | P. Quang Trung  | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 12/GCN-BBP |
| 13 | Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Lê Đắc Biền | Lê Đắc Biền       |  | x | X. Hồng Phúc    | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 13/GCN-BBP |
| 14 | Công ty TNHH Thương mại Tuấn Tú         | Đinh Văn Tú       |  | x | X. Đồng Gia     | H. Kim Thành  | Tỉnh Hải Dương | 14/GCN-BBP |
| 15 | Nguyễn Văn Quyền                        | Nguyễn Văn Quyền  |  | x | P. Văn An       | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 15/GCN-BBP |
| 16 | Đoàn Văn Long                           | Đoàn Văn Long     |  | x | X. Hiến Thành   | H. Kinh Môn   | Tỉnh Hải Dương | 16/GCN-BBP |
| 17 | Phạm Quang Trung                        | Phạm Quang Trung  |  | x | X. Trường Thành | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 17/GCN-BBP |
| 18 | Nguyễn Văn Luân                         | Nguyễn Văn Luân   |  | x | X. Tân An       | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 18/GCN-BBP |
| 19 | Nguyễn Văn Quang                        | Nguyễn Văn Quang  |  | x | X. Quyết Thắng  | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 19/GCN-BBP |
| 20 | Trần Thị Ngân                           | Trần Thị Ngân     |  | x | X. Thanh Hải    | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 20/GCN-BBP |
| 21 | Trần Văn Đăng                           | Trần Văn Đăng     |  | x | P. Việt Hòa     | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 21/GCN-BBP |
| 22 | Trần Thế Ngoạn                          | Trần Thế Ngoạn    |  | x | P. Nhị Châu     | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 22/GCN-BBP |
| 23 | Phạm Thị Hiền                           | Phạm Thị Hiền     |  | x | X. Quyết Thắng  | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 23/GCN-BBP |
| 24 | Nguyễn Thị Hoa                          | Nguyễn Thị Hoa    |  | x | X. Quyết Thắng  | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 24/GCN-BBP |

|    |                   |                   |  |   |                 |              |                |            |
|----|-------------------|-------------------|--|---|-----------------|--------------|----------------|------------|
| 25 | Nguyễn Thị Ngà    | Nguyễn Thị Ngà    |  | x | X. Quyết Thắng  | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 25/GCN-BBP |
| 26 | Nguyễn Thị Lan    | Nguyễn Thị Lan    |  | x | X. Quyết Thắng  | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 26/GCN-BBP |
| 27 | Lê Văn Hải        | Lê Văn Hải        |  | x | X. Quyết Thắng  | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 27/GCN-BBP |
| 28 | Lê Thị Hường      | Lê Thị Hường      |  | x | X. Tiền Tiến    | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 28/GCN-BBP |
| 29 | Nguyễn Thị Phương | Nguyễn Thị Phương |  | x | X. Tiền Tiến    | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 29/GCN-BBP |
| 30 | Lê Văn Hào        | Lê Văn Hào        |  | x | X. Tiền Tiến    | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 30/GCN-BBP |
| 31 | Lê Thị Xoan       | Lê Thị Xoan       |  | x | X. Tân An       | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 31/GCN-BBP |
| 32 | Nguyễn Thị Nhã    | Nguyễn Thị Nhã    |  | x | X. Tân An       | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 32/GCN-BBP |
| 33 | Lê Văn Sách       | Lê Văn Sách       |  | x | X. Thanh Hải    | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 33/GCN-BBP |
| 34 | Nguyễn Thị Dung   | Nguyễn Thị Dung   |  | x | X. An Phượng    | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 34/GCN-BBP |
| 35 | Phạm Thị Huyền    | Phạm Thị Huyền    |  | x | X. Phượng Hoàng | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 35/GCN-BBP |
| 36 | Phạm Đức Ngãi     | Phạm Đức Ngãi     |  | x | X. Phượng Hoàng | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 36/GCN-BBP |
| 37 | Nguyễn Đức Bắc    | Nguyễn Đức Bắc    |  | x | X. Phượng Hoàng | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 37/GCN-BBP |
| 38 | Vũ Đình Quân      | Vũ Đình Quân      |  | x | X. Thanh Sơn    | H. Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 38/GCN-BBP |
| 39 | Nguyễn Quốc Việt  | Nguyễn Quốc Việt  |  | x | P. Cộng Hòa     | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 39/GCN-BBP |
| 40 | Nguyễn Thị Thu    | Nguyễn Thị Thu    |  | x | X. Hoàng Tân    | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 40/GCN-BBP |

|    |                               |                    |  |   |                        |              |                |            |
|----|-------------------------------|--------------------|--|---|------------------------|--------------|----------------|------------|
| 41 | Tạ Văn Vũ                     | Tạ Văn Vũ          |  | x | X. Bắc An              | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 41/GCN-BBP |
| 42 | Hoàng Hữu Tùng                | Hoàng Hữu Tùng     |  | x | X. Lê Lợi              | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 42/GCN-BBP |
| 43 | Nguyễn Ngọc Văn               | Nguyễn Ngọc Văn    |  | x | X. Hưng Đạo            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 43/GCN-BBP |
| 44 | Công ty TNHH SX & TM<br>Bắc Á | Nguyễn Văn Cường   |  | x | X. Hưng Đạo            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 44/GCN-BBP |
| 45 | Nguyễn Thị Hoài               | Nguyễn Thị Hoài    |  | x | TT. Quang Phục,        | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 45/GCN-BBP |
| 46 | Trần Quang Trung              | Trần Quang Trung   |  | x | X. Hưng Đạo            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 46/GCN-BBP |
| 47 | Phạm Văn Trường               | Phạm Văn Trường    |  | x | X. Hưng Đạo            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 47/GCN-BBP |
| 48 | Nguyễn Thị Ngọc Hà            | Nguyễn Thị Ngọc Hà |  | x | X. Hưng Đạo            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 48/GCN-BBP |
| 49 | Trần Văn Tuấn                 | Trần Văn Tuấn      |  | x | X. Văn Tố              | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 49/GCN-BBP |
| 50 | Phạm Thị Hà                   | Phạm Thị Hà        |  | x | X. Đại Đồng            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 50/GCN-BBP |
| 51 | Vũ Văn Thông                  | Vũ Văn Thông       |  | x | X. Ngọc Sơn            | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 51/GCN-BBP |
| 52 | Trần Thị Bẩy                  | Trần Thị Bẩy       |  | x | La Giang, X. Văn<br>Tố | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 52/GCN-BBP |
| 53 | Ngô Văn Đích                  | Ngô Văn Đích       |  | x | TT. Tứ Kỳ              | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 53/GCN-BBP |
| 54 | Bùi Thị Nhung                 | Bùi Thị Nhung      |  | x | X. Nhân Huệ            | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 54/GCN-BBP |
| 55 | Trần Thị Hạnh                 | Trần Thị Hạnh      |  | x | P. Cộng Hòa            | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 55/GCN-BBP |
| 56 | Bùi Văn Xuyên                 | Bùi Văn Xuyên      |  | x | X. Nhân Huệ            | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 56/GCN-BBP |

|    |                   |                   |  |   |               |              |                |            |
|----|-------------------|-------------------|--|---|---------------|--------------|----------------|------------|
| 57 | Nguyễn Thị Tám    | Nguyễn Thị Tám    |  | x | X. Nhân Huệ   | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 57/GCN-BBP |
| 58 | Nguyễn Thị Hạnh   | Nguyễn Thị Hạnh   |  | x | P. Tân Dân    | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 58/GCN-BBP |
| 59 | Nguyễn Đình Tráng | Nguyễn Đình Tráng |  | x | P. Thái Học   | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 59/GCN-BBP |
| 60 | Trần Văn Tuyển    | Trần Văn Tuyển    |  | x | X. Nhân Huệ   | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 60/GCN-BBP |
| 61 | Lương Thị Thu     | Lương Thị Thu     |  | x | X. Nhân Huệ   | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 61/GCN-BBP |
| 62 | Phùng Thị Oanh    | Phùng Thị Oanh    |  | x | P. Cộng Hòa   | TP. Chí Linh | Tỉnh Hải Dương | 62/GCN-BBP |
| 63 | Nguyễn Thị Thanh  | Nguyễn Thị Thanh  |  | x | X. Bình Lãng  | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 63/GCN-BBP |
| 64 | Lê Đình Phên      | Lê Đình Phên      |  | x | X. Đại Hợp    | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 64/GCN-BBP |
| 65 | Nguyễn Tiến Kỳ    | Nguyễn Tiến Kỳ    |  | x | X. Tân Kỳ     | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 65/GCN-BBP |
| 66 | Vũ Thị Nhận       | Vũ Thị Nhận       |  | x | X. Minh Đức   | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 66/GCN-BBP |
| 67 | Phạm Văn Nhất     | Phạm Văn Nhất     |  | x | X. Minh Đức   | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 67/GCN-BBP |
| 68 | Phạm Văn Lương    | Phạm Văn Lương    |  | x | X. Minh Đức   | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 68/GCN-BBP |
| 69 | Hoàng Văn Khoảng  | Hoàng Văn Khoảng  |  | x | X. Minh Đức   | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 69/GCN-BBP |
| 70 | Nguyễn Thị Hương  | Nguyễn Thị Hương  |  | x | X. Quang Khải | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 70/GCN-BBP |
| 71 | Nguyễn Quý Dương  | Nguyễn Quý Dương  |  | x | X. Minh Đức   | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 71/GCN-BBP |
| 72 | Lê Văn Tiến       | Lê Văn Tiến       |  | x | X. Quang Khải | H. Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 72/GCN-BBP |

|    |                  |                  |  |   |                       |               |                |            |
|----|------------------|------------------|--|---|-----------------------|---------------|----------------|------------|
| 73 | Phạm Khắc Trường | Phạm Khắc Trường |  | x | X. Hùng Thắng         | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 73/GCN-BBP |
| 74 | Phạm Thị Phương  | Phạm Thị Phương  |  | x | TT. Tứ Kỳ             | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 74/GCN-BBP |
| 75 | Nguyễn Văn Phụng | Nguyễn Văn Phụng |  | x | X. Kiến Quốc          | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 75/GCN-BBP |
| 76 | Phạm Thị Tám     | Phạm Thị Tám     |  | x | X. Hùng Thắng         | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 76/GCN-BBP |
| 77 | Nguyễn Hữu Nam   | Nguyễn Hữu Nam   |  | x | X. Việt Hồng          | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 77/GCN-BBP |
| 78 | Phạm Quang Tuyền | Phạm Quang Tuyền |  | x | TT. Thanh Hà          | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 78/GCN-BBP |
| 79 | Tăng Thị Phụng   | Tăng Thị Phụng   |  | x | X. Toàn Thắng         | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 79/GCN-BBP |
| 80 | Vũ Đình Thặng    | Vũ Đình Thặng    |  | x | TT. Thanh Miện        | H. Thanh Miện | Tỉnh Hải Dương | 80/GCN-BBP |
| 81 | Nguyễn Văn Luận  | Nguyễn Văn Luận  |  | x | X. Thanh Hồng         | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 81/GCN-BBP |
| 82 | Hoàng Thị Oanh   | Hoàng Thị Oanh   |  | x | X. Thanh Cường        | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 82/GCN-BBP |
| 83 | Nguyễn Thị Sợi   | Nguyễn Thị Sợi   |  | x | X. Thanh Hồng         | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 83/GCN-BBP |
| 84 | Nguyễn Thị Thoa  | Nguyễn Thị Thoa  |  | x | Thiệu Mỹ, X. Vĩnh Lập | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 84/GCN-BBP |
| 85 | Vũ Kim Dương     | Vũ Kim Dương     |  | x | X. Thanh Cường        | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 85/GCN-BBP |
| 86 | Trịnh Văn Hồng   | Trịnh Văn Hồng   |  | x | X. Thanh Quang        | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 86/GCN-BBP |
| 87 | Mạc Văn Tuấn     | Mạc Văn Tuấn     |  | x | X. Thanh Xá           | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 87/GCN-BBP |
| 88 | Nguyễn Ngọc Vinh | Nguyễn Ngọc Vinh |  | x | TT. Thanh Hà          | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 88/GCN-BBP |

|           |                                                                                                           |                  |   |   |                |                  |                |            |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---|---|----------------|------------------|----------------|------------|
| 89        | Đỗ Thị Hạnh                                                                                               | Đỗ Thị Hạnh      |   | x | TT. Thanh Miện | H. Thanh Miện    | Tỉnh Hải Dương | 89/GCN-BBP |
| 90        | Phạm Khắc Lạp                                                                                             | Phạm Khắc Lạp    |   | x | P. Thạch Khôi  | TP. Hải Dương    | Tỉnh Hải Dương | 90/GCN-BBP |
| 91        | Hoàng Nguyễn Như                                                                                          | Hoàng Nguyễn Như |   | x | X. Thanh Sơn   | H. Thanh Hà      | Tỉnh Hải Dương | 91/GCN-BBP |
| 92        | Vũ Năng Đối                                                                                               | Vũ Năng Đối      |   | x | X. Thanh Sơn   | H. Thanh Hà      | Tỉnh Hải Dương | 92/GCN-BBP |
| 93        | Vũ Thị Diễm                                                                                               | Vũ Thị Diễm      |   | x | X. Thanh Sơn   | H. Thanh Hà      | Tỉnh Hải Dương | 93/GCN-BBP |
| 94        | Bùi Kim Thiện                                                                                             | Bùi Kim Thiện    |   | x | X. Thanh Bính  | H. Thanh Hà      | Tỉnh Hải Dương | 94/GCN-BBP |
| 95        | Lê Văn Tuyên                                                                                              | Lê Văn Tuyên     |   | x | X. Thanh Quang | H. Thanh Hà      | Tỉnh Hải Dương | 95/GCN-BBP |
| <b>II</b> | <b>Danh sách cơ sở buôn bán phân bón được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2020</b> |                  |   |   |                |                  |                |            |
| 1         | Trần Thị Hiền                                                                                             | Trần Thị Hiền    |   | x | Xã Long Xuyên  | Huyện Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 01/GCN-BBP |
| 2         | Nguyễn Thị Chiêm                                                                                          | Nguyễn Thị Chiêm |   | x | P. Cổ Thành    | TP. Chí Linh     | Tỉnh Hải Dương | 02/GCN-BBP |
| 3         | Vũ Thị Nhân                                                                                               | Vũ Thị Nhân      |   | x | Xã Lê Lợi      | TP. Chí Linh     | Tỉnh Hải Dương | 03/GCN-BBP |
| 4         | Vũ Thị Thảo                                                                                               | Vũ Thị Thảo      |   | x | Xã Hoàng Tiến  | TP. Chí Linh     | Tỉnh Hải Dương | 04/GCN-BBP |
| 5         | Phạm Thị Quỳnh                                                                                            | Phạm Thị Quỳnh   |   | x | Xã Hoàng Tân   | TP. Chí Linh     | Tỉnh Hải Dương | 05/GCN-BBP |
| 6         | Phạm Quốc Hưng                                                                                            | Phạm Quốc Hưng   |   | x | Xã Gia Tân     | Huyện Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 06/GCN-BBP |
| 7         | Phạm Sỹ Hòa                                                                                               | Phạm Sỹ Hòa      | x |   | Xã Cẩm Chế     | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 07/GCN-BBP |
| 8         | Bùi Văn Khê                                                                                               | Bùi Văn Khê      |   | x | Xã Thanh Xuân  | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 08/GCN-BBP |

|    |                     |                     |  |   |                             |                  |                |            |
|----|---------------------|---------------------|--|---|-----------------------------|------------------|----------------|------------|
| 9  | Nguyễn Thị Sáu      | Nguyễn Thị Sáu      |  | x | Xã Thanh Quang              | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 09/GCN-BBP |
| 10 | Nguyễn Trọng Xuân   | Nguyễn Trọng Xuân   |  | x | Xã Thanh Quang              | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 10/GCN-BBP |
| 11 | Nguyễn Văn Nghĩa    | Nguyễn Văn Nghĩa    |  | x | Xã Thanh Thủy               | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 11/GCN-BBP |
| 12 | Nguyễn Ngọc Chiến   | Nguyễn Ngọc Chiến   |  | x | Thành Thịnh, Xã Thanh Cường | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 12/GCN-BBP |
| 13 | Trần Thị Toàn       | Trần Thị Toàn       |  | x | Xã Minh Tân                 | Huyện Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 13/GCN-BBP |
| 14 | Vũ Đình Chiến       | Vũ Đình Chiến       |  | x | Xã Quốc Tuấn                | Huyện Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 14/GCN-BBP |
| 15 | Đặng Thị Dung       | Đặng Thị Dung       |  | x | Xã An Bình                  | Huyện Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 15/GCN-BBP |
| 16 | Nguyễn Thị Hoàng    | Nguyễn Thị Hoàng    |  | x | Xã An Bình                  | Huyện Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 16/GCN-BBP |
| 17 | Mạc Thị Dịu         | Mạc Thị Dịu         |  | x | Xã Nam Tân                  | Huyện Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 17/GCN-BBP |
| 18 | Nguyễn Trọng Nghiêm | Nguyễn Trọng Nghiêm |  | x | Xã Thanh Quang              | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 18/GCN-BBP |
| 19 | Vũ Văn Thiệu        | Vũ Văn Thiệu        |  | x | Xã Hồng Lạc                 | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 19/GCN-BBP |
| 20 | Nguyễn Văn Trưởng   | Nguyễn Văn Trưởng   |  | x | Xã Thúc Kháng               | Huyện Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 20/GCN-BBP |
| 21 | Vũ Thị Thuyết       | Vũ Thị Thuyết       |  | x | Xã Long Xuyên               | Huyện Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 21/GCN-BBP |
| 22 | Nguyễn Doãn Tạo     | Nguyễn Doãn Tạo     |  | x | Xã Thanh An                 | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 22/GCN-BBP |
| 23 | Nguyễn Xuân Thắm    | Nguyễn Xuân Thắm    |  | x | Xã Cẩm Vãn                  | Huyện Cẩm Giàng  | Tỉnh Hải Dương | 23/GCN-BBP |
| 24 | Lê Thị Giang        | Lê Thị Giang        |  | x | Bá Nha, Xã Thanh Quang      | Huyện Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 24/GCN-BBP |

|    |                   |                   |  |   |                            |                |                |            |
|----|-------------------|-------------------|--|---|----------------------------|----------------|----------------|------------|
| 25 | Nguyễn Văn Cường  | Nguyễn Văn Cường  |  | x | Xã Tân Hương               | Huyện Ninh Giã | Tỉnh Hải Dương | 25/GCN-BBP |
| 26 | Vũ Văn Thắng      | Vũ Văn Thắng      |  | x | Xã Thanh An                | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 26/GCN-BBP |
| 27 | Phạm Văn Thắng    | Phạm Văn Thắng    |  | x | An Thổ, xã<br>Nguyên Giáp  | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 27/GCN-BBP |
| 28 | Vũ Thị Huyền      | Vũ Thị Huyền      |  | x | Xã Nguyên Giáp             | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 28/GCN-BBP |
| 29 | Phan Thị Thu      | Phan Thị Thu      |  | x | Xã Nguyên Giáp             | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 29/GCN-BBP |
| 30 | Phùng Văn Tấu     | Phùng Văn Tấu     |  | x | Xã Nguyên Giáp             | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 30/GCN-BBP |
| 31 | Vũ Thị Mượt       | Vũ Thị Mượt       |  | x | Xã Tiên Động               | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 31/GCN-BBP |
| 32 | Đoàn Thị Hằng     | Đoàn Thị Hằng     |  | x | Xã Cộng Lạc                | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 32/GCN-BBP |
| 33 | Đào Trung Thực    | Đào Trung Thực    |  | x | Xã Cộng Lạc                | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 33/GCN-BBP |
| 34 | Trương Thị Hiền   | Trương Thị Hiền   |  | x | Tất Hạ, Xã Cộng<br>Lạc     | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 34/GCN-BBP |
| 35 | Lê Văn Phú        | Lê Văn Phú        |  | x | An Phú, xã<br>Quang Trung  | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 35/GCN-BBP |
| 36 | Đồng Văn Mùi      | Đồng Văn Mùi      |  | x | An Hưng, Xã<br>Quang Trung | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 36/GCN-BBP |
| 37 | Vũ Văn Hòa        | Vũ Văn Hòa        |  | x | Xã Quang Trung             | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 37/GCN-BBP |
| 38 | Nguyễn Văn Nguyên | Nguyễn Văn Nguyên |  | x | Xã Thanh Thủy              | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 38/GCN-BBP |
| 39 | Phạm Văn Ghi      | Phạm Văn Ghi      |  | x | Xã Hà Kỳ                   | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 39/GCN-BBP |
| 40 | Nguyễn Văn Thứ    | Nguyễn Văn Thứ    |  | x | Xã Hà Kỳ                   | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 40/GCN-BBP |

|    |                   |                   |   |   |                 |                |                |            |
|----|-------------------|-------------------|---|---|-----------------|----------------|----------------|------------|
| 41 | Nguyễn Văn Tuyền  | Nguyễn Văn Tuyền  |   | x | Xã Hà Thanh     | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 41/GCN-BBP |
| 42 | Đào Quang Ngọc    | Đào Quang Ngọc    | x |   | Xã Nguyên Giáp  | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 42/GCN-BBP |
| 43 | Bùi Thị Tuyền     | Bùi Thị Tuyền     |   | x | Thôn 1, X. Hoàn | TX. Kinh Môn   | Tỉnh Hải Dương | 43/GCN-BBP |
| 44 | Nguyễn Văn Tuấn   | Nguyễn Văn Tuấn   |   | x | P. Sao Đỏ       | TP. Chí Linh   | Tỉnh Hải Dương | 44/GCN-BBP |
| 45 | Nguyễn Văn Hoàn   | Nguyễn Văn Hoàn   |   | x | P. Thái Học     | TP. Chí Linh   | Tỉnh Hải Dương | 45/GCN-BBP |
| 46 | Phạm Thị Tái      | Phạm Thị Tái      |   | x | xã Thanh An     | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 46/GCN-BBP |
| 47 | Lê Văn Quyết      | Lê Văn Quyết      | x |   | Xã Thanh Hải    | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 47/GCN-BBP |
| 48 | Trần Thị Mai      | Trần Thị Mai      |   | x | Xã Thanh Sơn    | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 48/GCN-BBP |
| 49 | Đỗ Đình Nam       | Đỗ Đình Nam       |   | x | Xã An Sơn       | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 49/GCN-BBP |
| 50 | Vũ Văn Thông      | Vũ Văn Thông      |   | x | Xã Nam Hồng     | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 50/GCN-BBP |
| 51 | Trần Lộc          | Trần Lộc          |   | x | Xã Quốc Tuấn    | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 51/GCN-BBP |
| 52 | Nguyễn Văn Phóng  | Nguyễn Văn Phóng  |   | x | Xã Nam Chính    | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 52/GCN-BBP |
| 53 | Lê Xuân Đản       | Lê Xuân Đản       |   | x | Xã Hiệp Cát     | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 53/GCN-BBP |
| 54 | Đỗ Thị Thủy       | Đỗ Thị Thủy       |   | x | Xã Hợp Tiến     | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 54/GCN-BBP |
| 55 | Nguyễn Kiên Cường | Nguyễn Kiên Cường |   | x | Xã Hiệp Cát     | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 55/GCN-BBP |
| 56 | Vũ Đức Kính       | Vũ Đức Kính       |   | x | Xã Nam Chính    | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 56/GCN-BBP |

|    |                   |                   |  |   |              |                 |                |            |
|----|-------------------|-------------------|--|---|--------------|-----------------|----------------|------------|
| 57 | Phạm Thị Mai      | Phạm Thị Mai      |  | x | Xã Nam Trung | Huyện Nam Sách  | Tỉnh Hải Dương | 57/GCN-BBP |
| 58 | Nguyễn Văn Hồng   | Nguyễn Văn Hồng   |  | x | Xã Tân Việt  | Huyện Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 58/GCN-BBP |
| 59 | Phạm Văn Chiến    | Phạm Văn Chiến    |  | x | P. Tân Bình  | TP. Hải Dương   | Tỉnh Hải Dương | 59/GCN-BBP |
| 60 | Trần Văn Trường   | Trần Văn Trường   |  | x | Xã An Thượng | TP. Hải Dương   | Tỉnh Hải Dương | 60/GCN-BBP |
| 61 | Nguyễn Đăng Bổng  | Nguyễn Đăng Bổng  |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 61/GCN-BBP |
| 62 | Nguyễn Thị Doan   | Nguyễn Thị Doan   |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 62/GCN-BBP |
| 63 | Bùi Văn Hoàng     | Bùi Văn Hoàng     |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 63/GCN-BBP |
| 64 | Bùi Văn Trung     | Bùi Văn Trung     |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 64/GCN-BBP |
| 65 | Đinh Văn Dũng     | Đinh Văn Dũng     |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 65/GCN-BBP |
| 66 | Đỗ Văn Nhuận      | Đỗ Văn Nhuận      |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 66/GCN-BBP |
| 67 | Đỗ Văn Nhuyên     | Đỗ Văn Nhuyên     |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 67/GCN-BBP |
| 68 | Nguyễn Đình Thạnh | Nguyễn Đình Thạnh |  | x | Xã Đồng Cầm  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 68/GCN-BBP |
| 69 | Nguyễn Đăng Khải  | Nguyễn Đăng Khải  |  | x | Xã Nam Hưng  | Huyện Nam Sách  | Tỉnh Hải Dương | 69/GCN-BBP |
| 70 | Định Thị Phúc     | Định Thị Phúc     |  | x | Xã Nam Hưng  | Huyện Nam Sách  | Tỉnh Hải Dương | 70/GCN-BBP |
| 71 | Nguyễn Thị Oánh   | Nguyễn Thị Oánh   |  | x | Xã Nam Hưng  | Huyện Nam Sách  | Tỉnh Hải Dương | 71/GCN-BBP |
| 72 | Mạc Thị Nga       | Mạc Thị Nga       |  | x | Xã Hợp Tiến  | Huyện Nam Sách  | Tỉnh Hải Dương | 72/GCN-BBP |

|    |                      |                      |   |   |                         |                |                |            |
|----|----------------------|----------------------|---|---|-------------------------|----------------|----------------|------------|
| 73 | Mạc Thị Phụng        | Mạc Thị Phụng        |   | x | Xã Hợp Tiến             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 73/GCN-BBP |
| 74 | Trần Thị Út          | Trần Thị Út          |   | x | Xã Thanh Quang          | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 74/GCN-BBP |
| 75 | Nguyễn Xuân Thắng    | Nguyễn Xuân Thắng    |   | x | Xã Thanh Quang          | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 75/GCN-BBP |
| 76 | Nguyễn Văn An        | Nguyễn Văn An        |   | x | Xã Thái Tân             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 76/GCN-BBP |
| 77 | Nhữ Văn Ánh          | Nhữ Văn Ánh          |   | x | Xã Hồng Phong           | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 77/GCN-BBP |
| 78 | Phú Thị Thắng        | Phú Thị Thắng        |   | x | Tân Hợp, Xã<br>Phụng Kỳ | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 78/GCN-BBP |
| 79 | Nguyễn Văn Phan      | Nguyễn Văn Phan      |   | x | Xã Hưng Đạo             | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 79/GCN-BBP |
| 80 | Phạm Anh Thư         | Phạm Anh Thư         |   | x | Xã Hưng Đạo             | Huyện Tứ Kỳ    | Tỉnh Hải Dương | 80/GCN-BBP |
| 81 | Nguyễn Chí Vượng     | Nguyễn Chí Vượng     | x |   | Xã Cộng Hòa             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 81/GCN-BBP |
| 82 | Phạm Bá Nhắc         | Phạm Bá Nhắc         |   | x | Xã Cộng Hòa             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 82/GCN-BBP |
| 83 | Nguyễn Đức Cường     | Nguyễn Đức Cường     |   | x | Xã Cộng Hòa             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 83/GCN-BBP |
| 84 | Nguyễn Đức Huynh     | Nguyễn Đức Huynh     |   | x | Xã Cộng Hòa             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 84/GCN-BBP |
| 85 | Mạc Thị Thẽ          | Mạc Thị Thẽ          |   | x | Xã An Bình              | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 85/GCN-BBP |
| 86 | Nguyễn Thị Mai Quyên | Nguyễn Thị Mai Quyên |   | x | Xã Đồng Lạc             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 86/GCN-BBP |
| 87 | Hoàng Văn Cách       | Hoàng Văn Cách       |   | x | Xã Đồng Lạc             | Huyện Nam Sách | Tỉnh Hải Dương | 87/GCN-BBP |
| 88 | Nguyễn Văn Hải       | Nguyễn Văn Hải       |   | x | X. Lạc Long             | TX. Kinh Môn   | Tỉnh Hải Dương | 88/GCN-BBP |

|     |                   |                   |   |   |                   |                 |                |             |
|-----|-------------------|-------------------|---|---|-------------------|-----------------|----------------|-------------|
| 89  | Nguyễn Văn Khang  | Nguyễn Văn Khang  | x |   | X. Quang Thành    | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 89/GCN-BBP  |
| 90  | Nguyễn Thị Ngọc   | Nguyễn Thị Ngọc   |   | x | Thị Trấn Thanh Hà | Huyện Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 90/GCN-BBP  |
| 91  | Phạm Văn Hội      | Phạm Văn Hội      |   | x | Xã Thanh Thủy     | Huyện Thanh Hà  | Tỉnh Hải Dương | 91/GCN-BBP  |
| 92  | Hoàng Thị Linh    | Hoàng Thị Linh    |   | x | Xã Kim Liên       | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 92/GCN-BBP  |
| 93  | Trần Thị Hạnh     | Trần Thị Hạnh     |   | x | Xã Tuấn Việt      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 93/GCN-BBP  |
| 94  | Nguyễn Văn Ánh    | Nguyễn Văn Ánh    |   | x | Xã Tuấn Việt      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 94/GCN-BBP  |
| 95  | Nguyễn Văn Thủy   | Nguyễn Văn Thủy   |   | x | Xã Tam Kỳ         | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 95/GCN-BBP  |
| 96  | Phí Thị Gấm       | Phí Thị Gấm       |   | x | Xã Bình Dân       | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 96/GCN-BBP  |
| 97  | Nguyễn Thị Thu    | Nguyễn Thị Thu    |   | x | Xã Tuấn Việt      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 97/GCN-BBP  |
| 98  | Đồng Thị Ёn       | Đồng Thị Ёn       |   | x | Xã Tam Kỳ         | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 98/GCN-BBP  |
| 99  | Nguyễn Công Chuẩn | Nguyễn Công Chuẩn |   | x | Xã Tam Kỳ         | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 99/GCN-BBP  |
| 100 | Nguyễn Văn Tiến   | Nguyễn Văn Tiến   |   | x | Xã Tam Kỳ         | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 100/GCN-BBP |
| 101 | Nguyễn Văn Hòa    | Nguyễn Văn Hòa    |   | x | Xã Kim Đính       | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 101/GCN-BBP |
| 102 | Nguyễn Văn Thảo   | Nguyễn Văn Thảo   |   | x | Xã Kim Liên       | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 102/GCN-BBP |
| 103 | Nguyễn Văn Tuý    | Nguyễn Văn Tuý    |   | x | Xã Đại Đức        | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 103/GCN-BBP |
| 104 | Trần Văn Hùng     | Trần Văn Hùng     |   | x | Xã Kim Anh        | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 104/GCN-BBP |

|     |                   |                   |  |   |               |                 |                |             |
|-----|-------------------|-------------------|--|---|---------------|-----------------|----------------|-------------|
| 105 | Đồng Thị Nhiệm    | Đồng Thị Nhiệm    |  | x | Xã Kim Anh    | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 105/GCN-BBP |
| 106 | Nguyễn Hữu Tuấn   | Nguyễn Hữu Tuấn   |  | x | Xã Kim Anh    | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 106/GCN-BBP |
| 107 | Đàm Thị Minh Thùy | Đàm Thị Minh Thùy |  | x | Xã Đại Hợp    | Huyện Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 107/GCN-BBP |
| 108 | Nguyễn Đình Hùng  | Nguyễn Đình Hùng  |  | x | Xã Thượng Vũ  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 108/GCN-BBP |
| 109 | Bùi Văn Lâm       | Bùi Văn Lâm       |  | x | Xã Thượng Vũ  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 109/GCN-BBP |
| 110 | Nguyễn Văn Bảo    | Nguyễn Văn Bảo    |  | x | Xã Thượng Vũ  | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 110/GCN-BBP |
| 111 | Trần Thị Nhân     | Trần Thị Nhân     |  | x | Xã Kim Liên   | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 111CN-BBP   |
| 112 | Nguyễn Thị Nhuận  | Nguyễn Thị Nhuận  |  | x | Xã Cộng Hòa   | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 112/GCN-BBP |
| 113 | Vũ Văn Mận        | Vũ Văn Mận        |  | x | Xã Đại Đức    | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 113/GCN-BBP |
| 114 | Nguyễn Đức Mạnh   | Nguyễn Đức Mạnh   |  | x | Xã Liên Hòa   | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 114/GCN-BBP |
| 115 | Tô Ngọc Em        | Tô Ngọc Em        |  | x | Xã Liên Hòa   | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 115/GCN-BBP |
| 116 | Nguyễn Văn Tuấn   | Nguyễn Văn Tuấn   |  | x | Xã Liên Hòa   | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 116/GCN-BBP |
| 117 | Đồng Thị Nhiên    | Đồng Thị Nhiên    |  | x | Xã Kim Đính   | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 117/GCN-BBP |
| 118 | Nguyễn Ngọc Tuyên | Nguyễn Ngọc Tuyên |  | x | Xã Hưng Đạo   | Huyện Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 118/GCN-BBP |
| 119 | Vũ Thị Duân       | Vũ Thị Duân       |  | x | Xã Toàn Thắng | Huyện Gia Lộc   | Tỉnh Hải Dương | 119/GCN-BBP |
| 120 | Phạm Hoàng Vọng   | Phạm Hoàng Vọng   |  | x | Xã Toàn Thắng | Huyện Gia Lộc   | Tỉnh Hải Dương | 120/GCN-BBP |

|     |                             |                             |  |   |                         |                |                |             |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|--|---|-------------------------|----------------|----------------|-------------|
| 121 | Đỗ Thị Phương               | Đỗ Thị Phương               |  | x | Xã Toàn Thắng           | Huyện Gia Lộc  | Tỉnh Hải Dương | 121/GCN-BBP |
| 122 | Nguyễn Thị Khuyên           | Nguyễn Thị Khuyên           |  | x | Xã Toàn Thắng           | Huyện Gia Lộc  | Tỉnh Hải Dương | 122/GCN-BBP |
| 123 | Đoàn Thị Miên               | Đoàn Thị Miên               |  | x | Xã Toàn Thắng           | Huyện Gia Lộc  | Tỉnh Hải Dương | 123/GCN-BBP |
| 124 | Phạm Thị Kim                | Phạm Thị Kim                |  | x | Hạ Chiểu                | TX. Kinh Môn   | Tỉnh Hải Dương | 124/GCN-BBP |
| 125 | Nguyễn Văn Bình             | Nguyễn Văn Bình             |  | x | Xã Hồng Lạc             | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 125/GCN-BBP |
| 126 | Nguyễn Văn Dũng             | Nguyễn Văn Dũng             |  | x | Xã Tứ Cường             | Huyện Thanh Mi | Tỉnh Hải Dương | 126/GCN-BBP |
| 127 | Đoàn Văn Hùng               | Đoàn Văn Hùng               |  | x | Lại Xá 1, Xã Thanh Thủy | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 127/GCN-BBP |
| 128 | Trần Thị Phương             | Trần Thị Phương             |  | x | Xã Ngũ Phúc             | Huyện Kim Thàn | Tỉnh Hải Dương | 128/GCN-BBP |
| 129 | Phạm Văn Vũ                 | Phạm Văn Vũ                 |  | x | Xã Thanh Xuân           | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 129/GCN-BBP |
| 130 | Phạm Văn Cảnh               | Phạm Văn Cảnh               |  | x | Xã Liên Mạc             | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 130/GCN-BBP |
| 131 | Lê Đức Hân                  | Lê Đức Hân                  |  | x | Xã Cẩm Chế              | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 131/GCN-BBP |
| 132 | Dương Văn Cơ                | Dương Văn Cơ                |  | x | Xã Liêm Mạc             | Huyện Thanh Hà | Tỉnh Hải Dương | 132/GCN-BBP |
| 133 | Trung tâm Marketing và PTSP | Trung tâm Marketing và PTSP |  | x | P. Trần Phú             | TP. Hải Dương  | Tỉnh Hải Dương | 133/GCN-BBP |
| 134 | Định Văn Thiện              | Định Văn Thiện              |  | x | Xã Tứ Cường             | Huyện Thanh Mi | Tỉnh Hải Dương | 134/GCN-BBP |
| 135 | Phạm Văn Nam                | Phạm Văn Nam                |  | x | Xã Nhật Tân             | Huyện Gia Lộc  | Tỉnh Hải Dương | 135/GCN-BBP |
| 136 | Đinh Thị Sánh               | Đinh Thị Sánh               |  | x | Xã Kim Tân              | Huyện Kim Thàn | Tỉnh Hải Dương | 136/GCN-BBP |

|     |                                     |                  |  |   |                 |                 |                |             |
|-----|-------------------------------------|------------------|--|---|-----------------|-----------------|----------------|-------------|
| 137 | Đồng Thị Cuối                       | Đồng Thị Cuối    |  | x | Xã Kim Đính     | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 137/GCN-BBP |
| 138 | Đoàn Thị Nguyên                     | Đoàn Thị Nguyên  |  | x | Xã Kim Đính     | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 138/GCN-BBP |
| 139 | Trần Văn Lượng                      | Trần Văn Lượng   |  | x | Xã Kim Tân      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 139/GCN-BBP |
| 140 | Đinh Thị Huyền                      | Đinh Thị Huyền   |  | x | Xã Kim Tân      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 140/GCN-BBP |
| 141 | Phạm Thị Linh                       | Phạm Thị Linh    |  | x | Xã Kim Tân      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 141/GCN-BBP |
| 142 | Đồng Thị Luyện                      | Đồng Thị Luyện   |  | x | Xã Ngũ Phúc     | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 142/GCN-BBP |
| 143 | Công ty TNHH TM và DV Hưng Huy      | Bùi Quang Hưng   |  | x | TT. Phú Thái    | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 143/GCN-BBP |
| 144 | Nguyễn Thị Lan                      | Nguyễn Thị Lan   |  | x | Hiệp An         | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 144/GCN-BBP |
| 145 | Nguyễn Thị Bính                     | Nguyễn Thị Bính  |  | x | Hiệp Sơn        | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 145/GCN-BBP |
| 146 | Nguyễn Thị Loan                     | Nguyễn Thị Loan  |  | x | Hiệp Hòa        | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 146/GCN-BBP |
| 147 | Dương Đăng Thuận                    | Dương Đăng Thuận |  | x | Huê Trì, An Phụ | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 147/GCN-BBP |
| 148 | Nguyễn Thị Ngân                     | Nguyễn Thị Ngân  |  | x | An Phụ          | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 148/GCN-BBP |
| 149 | Lương Thị Huệ                       | Lương Thị Huệ    |  | x | Hiệp Sơn        | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 149/GCN-BBP |
| 150 | Nguyễn Thị Nga                      | Nguyễn Thị Nga   |  | x | Hiệp Sơn        | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 150/GCN-BBP |
| 151 | Công ty TNHH Máy và VTNN Hưng Thịnh | Mai Văn Thụy     |  | x | Lê Thanh Nghị   | Huyện Gia Lộc   | Tỉnh Hải Dương | 151/GCN-BBP |
| 152 | Đỗ Văn Phương                       | Đỗ Văn Phương    |  | x | Thượng Quận     | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 152/GCN-BBP |

|            |                                                                                                           |                  |  |   |                           |               |                |                |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--|---|---------------------------|---------------|----------------|----------------|
| 153        | Nguyễn Văn Hào                                                                                            | Nguyễn Văn Hào   |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 153/GCN-BBP    |
| 154        | Nguyễn Thị Vuôn                                                                                           | Nguyễn Thị Vuôn  |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 154/GCN-BBP    |
| 155        | Nguyễn Thị Thúy                                                                                           | Nguyễn Thị Thúy  |  | x | Khuê Bích,<br>Thượng Quận | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 155/GCN-BBP    |
| 156        | Nguyễn Đức Bính                                                                                           | Nguyễn Đức Bính  |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 156/GCN-BBP    |
| 157        | Nguyễn Thị Miến                                                                                           | Nguyễn Thị Miến  |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 157/GCN-BBP    |
| 158        | Nguyễn Thị Sen                                                                                            | Nguyễn Thị Sen   |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 158/GCN-BBP    |
| 159        | Nguyễn Văn Tuyển                                                                                          | Nguyễn Văn Tuyển |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 159/GCN-BBP    |
| 160        | Nguyễn Văn Khanh                                                                                          | Nguyễn Văn Khanh |  | x | Thượng Quận               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 160/GCN-BBP    |
| 161        | Nguyễn Đức Đề                                                                                             | Nguyễn Đức Đề    |  | x | An Phụ                    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 161/GCN-BBP    |
| 162        | Nguyễn Đình Tý                                                                                            | Nguyễn Đình Tý   |  | x | An Phụ                    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 162/GCN-BBP    |
| 163        | Phạm Hồng Thái                                                                                            | Phạm Hồng Thái   |  | x | An Phụ                    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 163/GCN-BBP    |
| 164        | Nguyễn Đình Lệ                                                                                            | Nguyễn Đình Lệ   |  | x | Huê Trì, An Phụ           | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 164/GCN-BBP    |
| 165        | Phạm Văn Cây                                                                                              | Phạm Văn Cây     |  | x | Kim Tân                   | Huyện Kim Tân | Tỉnh Hải Dương | 165/GCN-BBP    |
| <b>III</b> | <b>Danh sách cơ sở buôn bán phân bón được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2021</b> |                  |  |   |                           |               |                |                |
| 1          | Đoàn Thị Hiền                                                                                             | Đoàn Thị Hiền    |  | x | Lê Lợi                    | Huyện Gia Lộc | Tỉnh Hải Dương | 1/2021/GCN-BBP |
| 2          | Bùi Thị Hải                                                                                               | Bùi Thị Hải      |  | x | Quang Thành               | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 2/2021/GCN-BBP |

|    |                        |                        |   |   |             |                 |                |                 |
|----|------------------------|------------------------|---|---|-------------|-----------------|----------------|-----------------|
| 3  | Trần Văn Khanh         | Trần Văn Khanh         |   | x | Quang Thành | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 3/2021/GCN-BBP  |
| 4  | Nguyễn Lưu Dung        | Nguyễn Lưu Dung        |   | x | Quang Thành | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 4/2021/GCN-BBP  |
| 5  | Ngô Văn Trường         | Ngô Văn Trường         |   | x | Quang Thành | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 5/2021/GCN-BBP  |
| 6  | Nguyễn Hữu Nhung       | Nguyễn Hữu Nhung       |   | x | Quang Thành | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 6/2021/GCN-BBP  |
| 7  | Nguyễn Thị Hương       | Nguyễn Thị Hương       |   | x | Thăng Long  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 7/2021/GCN-BBP  |
| 8  | Lương Văn Hùng         | Lương Văn Hùng         |   | x | Thăng Long  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 8/2021/GCN-BBP  |
| 9  | Phạm Hữu Lạng          | Phạm Hữu Lạng          |   | x | Thăng Long  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 9/2021/GCN-BBP  |
| 10 | Bùi Thị Xinh           | Bùi Thị Xinh           |   | x | Quang Trung | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 10/2021/GCN-BBP |
| 11 | Hoàng Quốc Việt        | Hoàng Quốc Việt        |   | x | Hoàng Tân   | TP. Chí Linh    | Tỉnh Hải Dương | 11/2021/GCN-BBP |
| 12 | Công ty TNHH Mầm Vàng  | Mạc Đức Phụng          | x |   | Thạch Lỗi   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 12/2021/GCN-BBP |
| 13 | Nguyễn Thị Hiền        | Nguyễn Thị Hiền        |   | x | An Sinh     | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 13/2021/GCN-BBP |
| 14 | Phạm Thị Yên           | Phạm Thị Yên           |   | x | An Sinh     | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 14/2021/GCN-BBP |
| 15 | Trịnh Thị Thơi         | Trịnh Thị Thơi         |   | x | An Sinh     | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 15/2021/GCN-BBP |
| 16 | Mạc Thị Liễu           | Mạc Thị Liễu           |   | x | An Sinh     | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 16/2021/GCN-BBP |
| 17 | Lương Văn Phương Thanh | Lương Văn Phương Thanh |   | x | Hiệp Sơn    | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 17/2021/GCN-BBP |

|    |                                  |                     |   |   |           |               |                |                 |
|----|----------------------------------|---------------------|---|---|-----------|---------------|----------------|-----------------|
| 18 | Nguyễn Thị Mỹ                    | Nguyễn Thị Mỹ       |   | x | An Sinh   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 18/2021/GCN-BBP |
| 19 | Tiên Thị Xưa                     | Tiên Thị Xưa        | x |   | Bạch Đằng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 19/2021/GCN-BBP |
| 20 | Nguyễn Thị Thúy Nga              | Nguyễn Thị Thúy Nga |   | x | Bạch Đằng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 20/2021/GCN-BBP |
| 21 | Bùi Thị Hồng                     | Bùi Thị Hồng        |   | x | Bạch Đằng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 21/2021/GCN-BBP |
| 22 | Lê Đại Dương                     | Lê Đại Dương        |   | x | Bạch Đằng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 22/2021/GCN-BBP |
| 23 | Đỗ Xuân Điều                     | Đỗ Xuân Điều        | x |   | Liên Hồng | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 23/2021/GCN-BBP |
| 24 | Công ty TNHH Nông nghiệp Toshiro | Bùi Văn Tiến        |   | x | Gia Lương | Huyện Gia Lộc | Tỉnh Hải Dương | 24/2021/GCN-BBP |
| 25 | Bùi Văn Tuyên                    | Bùi Văn Tuyên       |   | x | Tứ Minh   | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 25/2021/GCN-BBP |
| 26 | Nguyễn Thị Nụ                    | Nguyễn Thị Nụ       |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 26/2021/GCN-BBP |
| 27 | Trần Thị Bích                    | Trần Thị Bích       |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 27/2021/GCN-BBP |
| 28 | Cao Thị Thềm                     | Cao Thị Thềm        |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 28/2021/GCN-BBP |
| 29 | Nguyễn Thị Cảnh                  | Nguyễn Thị Cảnh     |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 29/2021/GCN-BBP |
| 30 | Vũ Long Xuyên                    | Vũ Long Xuyên       |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 30/2021/GCN-BBP |
| 31 | Nguyễn Văn Dục                   | Nguyễn Văn Dục      |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 31/2021/GCN-BBP |
| 32 | Vũ Văn Quân                      | Vũ Văn Quân         |   | x | Thất Hùng | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 32/2021/GCN-BBP |
| 33 | Nguyễn Thị Thom                  | Nguyễn Thị Thom     |   | x | Lê Ninh   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 33/2021/GCN-BBP |
| 34 | Nguyễn Thị Ngạn                  | Nguyễn Thị Ngạn     |   | x | Lê Ninh   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 34/2021/GCN-BBP |

|    |                             |                      |   |   |               |                 |                |                 |
|----|-----------------------------|----------------------|---|---|---------------|-----------------|----------------|-----------------|
| 35 | Vũ Văn Cường                | Vũ Văn Cường         |   | x | Lê Ninh       | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 35/2021/GCN-BBP |
| 36 | Nguyễn Thị Thủy             | Nguyễn Thị Thủy      |   | x | Lê Ninh       | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 36/2021/GCN-BBP |
| 37 | Nguyễn Văn Chiến            | Nguyễn Văn Chiến     |   | x | Hoàng Diệu    | Huyện Gia Lộc   | Tỉnh Hải Dương | 37/2021/GCN-BBP |
| 38 | Công ty TNHH MTV Mạnh Cường | Nguyễn Văn Quyền     |   | x | TT Lai Cách   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 38/2021/GCN-BBP |
| 39 | Vũ Xuân Hòa                 | Vũ Xuân Hòa          |   | x | TT Lai Cách   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 39/2021/GCN-BBP |
| 40 | Nguyễn Văn Tuyền            | Nguyễn Văn Tuyền     |   | x | TT Lai Cách   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 40/2021/GCN-BBP |
| 41 | Công ty TNHH Phúc Lâm HD    | Phạm Ngọc Hà         |   | x | Kim Giang     | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 41/2021/GCN-BBP |
| 42 | Vũ Minh Cường               | Vũ Minh Cường        |   | x | Cẩm Đoài      | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 42/2021/GCN-BBP |
| 43 | Trần Văn Oanh               | Trần Văn Oanh        |   | x | Đức Chính     | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 43/2021/GCN-BBP |
| 44 | Nguyễn Thị Chang Thu        | Nguyễn Thị Chang Thu | x |   | Đức Chính     | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 44/2021/GCN-BBP |
| 45 | Nguyễn Văn Chính            | Nguyễn Văn Chính     |   | x | Cẩm Văn       | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 45/2021/GCN-BBP |
| 46 | Vũ Thị Đan                  | Vũ Thị Đan           |   | x | Đức Chính     | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 46/2021/GCN-BBP |
| 47 | Nguyễn Thị Luyên            | Nguyễn Thị Luyên     |   | x | Đức Chính     | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 47/2021/GCN-BBP |
| 48 | Nguyễn Thị Nga              | Nguyễn Thị Nga       |   | x | TT Gia Lộc    | Huyện Gia Lộc   | Tỉnh Hải Dương | 48/2021/GCN-BBP |
| 49 | Nguyễn Văn Nhận             | Nguyễn Văn Nhận      |   | x | X. Hồng Quang | Huyện Thanh Mi  | Tỉnh Hải Dương | 49/2021/GCN-BBP |
| 50 | Công ty Quốc tế Vita        | Đình Văn Tú          |   | x | Đồng Gia      | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 50/2021/GCN-BBP |
| 51 | Doanh nghiệp tư nhân Hà Bắc | DN tư nhân Hà Bắc    |   | x | Quang Phục    | Huyện Tứ Kỳ     | Tỉnh Hải Dương | 51/2021/GCN-BBP |

|    |                   |                   |  |   |               |                 |                |                 |
|----|-------------------|-------------------|--|---|---------------|-----------------|----------------|-----------------|
| 52 | Nguyễn Thị Nhàn   | Nguyễn Thị Nhàn   |  | x | Điện Biên Phủ | TP. Hải Dương   | Tỉnh Hải Dương | 52/2021/GCN-BBP |
| 53 | Đỗ Xuân Thiện     | Đỗ Xuân Thiện     |  | x | X. Định Sơn   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 53/2021/GCN-BBP |
| 54 | Trần Thị Nhàn     | Trần Thị Nhàn     |  | x | X. Định Sơn   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 54/2021/GCN-BBP |
| 55 | Nguyễn Thị Liên   | Nguyễn Thị Liên   |  | x | X. Lương Điền | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 55/2021/GCN-BBP |
| 56 | Nguyễn Hợp Thái   | Nguyễn Hợp Thái   |  | x | X. Cẩm Hưng   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 56/2021/GCN-BBP |
| 57 | Bùi Văn Nam       | Bùi Văn Nam       |  | x | X. Định Sơn   | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 57/2021/GCN-BBP |
| 58 | Cao Quang Dưỡng   | Cao Quang Dưỡng   |  | x | Tràng Kênh    | Huyện Cẩm Giàng | Tỉnh Hải Dương | 58/2021/GCN-BBP |
| 59 | Nguyễn Thị Thuyết | Nguyễn Thị Thuyết |  | x | X. Cổ Dũng    | Huyện Kim Thành | Tỉnh Hải Dương | 59/2021/GCN-BBP |
| 60 | Nguyễn Văn Di     | Nguyễn Văn Di     |  | x | X. Hiệp Hòa   | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 60/2021/GCN-BBP |
| 61 | Nguyễn Thị Thủy   | Nguyễn Thị Thủy   |  | x | X. Hiệp Hòa   | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 61/2021/GCN-BBP |
| 62 | Nguyễn Văn Chương | Nguyễn Văn Chương |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 62/2021/GCN-BBP |
| 63 | Đỗ Văn Bắc        | Đỗ Văn Bắc        |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 63/2021/GCN-BBP |
| 64 | Nguyễn Ngọc Đại   | Nguyễn Ngọc Đại   |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 64/2021/GCN-BBP |
| 65 | Nguyễn Văn Hoanh  | Nguyễn Văn Hoanh  |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 65/2021/GCN-BBP |
| 66 | Nguyễn Đức Thuận  | Nguyễn Đức Thuận  |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 66/2021/GCN-BBP |
| 67 | Nguyễn Văn Trường | Nguyễn Văn Trường |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 67/2021/GCN-BBP |
| 68 | Lê Văn Nhượng     | Lê Văn Nhượng     |  | x | P. An Phụ     | TX. Kinh Môn    | Tỉnh Hải Dương | 68/2021/GCN-BBP |

|    |                   |                   |  |   |               |               |                |                 |
|----|-------------------|-------------------|--|---|---------------|---------------|----------------|-----------------|
| 69 | Nguyễn Đức Đàn    | Nguyễn Đức Đàn    |  | x | P. An Phú     | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 69/2021/GCN-BBP |
| 70 | Hoàng Thị Lương   | Hoàng Thị Lương   |  | x | P. Hiệp An    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 70/2021/GCN-BBP |
| 71 | Nguyễn Thị Loan   | Nguyễn Thị Loan   |  | x | P. Hiệp An    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 71/2021/GCN-BBP |
| 72 | Phạm Thị Hậu      | Phạm Thị Hậu      |  | x | X. Hiệp Hòa   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 72/2021/GCN-BBP |
| 73 | Nguyễn Thành Công | Nguyễn Thành Công |  | x | X. Hiệp Hòa   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 73/2021/GCN-BBP |
| 74 | Nguyễn Thị Đông   | Nguyễn Thị Đông   |  | x | P. An Phú     | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 74/2021/GCN-BBP |
| 75 | Nguyễn Thị Hôm    | Nguyễn Thị Hôm    |  | x | P. Hiệp An    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 75/2021/GCN-BBP |
| 76 | Nguyễn Thị Linh   | Nguyễn Thị Linh   |  | x | P. Phạm Thái  | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 76/2021/GCN-BBP |
| 77 | Phạm Văn Hòa      | Phạm Văn Hòa      |  | x | X. Hiệp Hòa   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 77/2021/GCN-BBP |
| 78 | Trần Huy Lực      | Trần Huy Lực      |  | x | P. Hiệp An    | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 78/2021/GCN-BBP |
| 79 | Lê Thị Dung       | Lê Thị Dung       |  | x | P. Long Xuyên | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 79/2021/GCN-BBP |
| 80 | Nguyễn Xuân Chúc  | Nguyễn Xuân Chúc  |  | x | P. Long Xuyên | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 80/2021/GCN-BBP |
| 81 | Lê Thị Hải        | Lê Thị Hải        |  | x | P. Long Xuyên | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 81/2021/GCN-BBP |
| 82 | Bùi Văn Vinh      | Bùi Văn Vinh      |  | x | X. Bình Xuyên | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 82/2021/GCN-BBP |
| 83 | Vũ Thị Nhân       | Vũ Thị Nhân       |  | x | X. Hồng Khê   | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 83/2021/GCN-BBP |
| 84 | Đỗ Thị Hải        | Đỗ Thị Hải        |  | x | X. Thái Học   | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 84/2021/GCN-BBP |
| 85 | Trần Thị Hương    | Trần Thị Hương    |  | x | X. Thái Học   | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 85/2021/GCN-BBP |

|           |                                                                                                           |                   |   |   |                                |               |                |                 |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---|---|--------------------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 86        | Bùi Thị Mến                                                                                               | Bùi Thị Mến       |   | x | X. Vĩnh Hồng                   | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 86/2021/GCN-BBP |
| 87        | Lê Thị Liên                                                                                               | Lê Thị Liên       |   | x | X. Thúc Kháng                  | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 87/2021/GCN-BBP |
| 88        | Nguyễn Văn Hiền                                                                                           | Nguyễn Văn Hiền   |   | x | X. Bình Xuyên                  | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 88/2021/GCN-BBP |
| 89        | Phạm Thị Thu Hằng                                                                                         | Phạm Thị Thu Hằng |   | x | X. Hùng Thắng                  | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 89/2021/GCN-BBP |
| 90        | Nguyễn Thị Hương                                                                                          | Nguyễn Thị Hương  |   | x | X. Đồng Tâm                    | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 90/2021/GCN-BBP |
| 91        | Nguyễn Thị Chuyên                                                                                         | Nguyễn Thị Chuyên |   | x | X. Ứng Hòa                     | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 91/2021/GCN-BBP |
| 92        | Nguyễn Tất Quân                                                                                           | Nguyễn Tất Quân   |   | x | X. Hồng Dụ                     | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 92/2021/GCN-BBP |
| <b>IV</b> | <b>Danh sách cơ sở buôn bán phân bón được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2022</b> |                   |   |   |                                |               |                |                 |
| 1         | Nguyễn Quang Mạnh                                                                                         | Nguyễn Quang Mạnh |   | x | Xã Liêm Mạc                    | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 1/2022/GCN-BBP  |
| 2         | Lưu Văn Nam                                                                                               | Lưu Văn Nam       |   | x | Xã Đại Đức                     | H. Kim Thành  | Tỉnh Hải Dương | 2/2022/GCN-BBP  |
| 3         | Nguyễn Thị Phương                                                                                         | Nguyễn Thị Phương |   | x | Xã Ngũ Phúc                    | H. Kim Thành  | Tỉnh Hải Dương | 3/2022/GCN-BBP  |
| 4         | Nguyễn Thị Liên                                                                                           | Nguyễn Thị Liên   |   | x | KDC Bích Nham,<br>P. Văn Đức   | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 4/2022/GCN-BBP  |
| 5         | Trần Thị Loan                                                                                             | Trần Thị Loan     |   | x | KDC Chi Ngải 2,<br>P. Cộng Hòa | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 5/2022/GCN-BBP  |
| 6         | Bùi Văn Thực                                                                                              | Bùi Văn Thực      |   | x | Chí Linh 1, X.<br>Nhân Huệ     | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 6/2022/GCN-BBP  |
| 7         | Nguyễn Văn Cường                                                                                          | Nguyễn Văn Cường  |   | x | Thôn 2, X. Thanh<br>Xá         | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 7/2022/GCN-BBP  |
| 8         | Đào Ngọc Sơn                                                                                              | Đào Ngọc Sơn      |   | x | Thôn Văn, X.<br>Nguyễn Giáp    | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 8/2022/GCN-BBP  |
| 9         | Nguyễn Thị Tú                                                                                             | Nguyễn Thị Tú     | x |   | Tầng Hạ, X. Gia<br>Xuyên       | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 9/2022/GCN-BBP  |

|    |                      |                      |  |   |                                  |               |                |                 |
|----|----------------------|----------------------|--|---|----------------------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 10 | Bùi Văn Tuấn         | Bùi Văn Tuấn         |  | x | An Lão, X. Thanh Khê             | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 10/2022/GCN-BBP |
| 11 | Nguyễn Thị Lê        | Nguyễn Thị Lê        |  | x | Đa Cốc, X. Lê Lợi                | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 11/2022/GCN-BBP |
| 12 | Vũ Đức Đình          | Vũ Đức Đình          |  | x | Hoàng Xá 3, X. Quyết Thắng       | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 12/2022/GCN-BBP |
| 13 | Dương Thị Hồng Ngoãn | Dương Thị Hồng Ngoãn |  | x | X. Kim Liên                      | H. Kim Thành  | Tỉnh Hải Dương | 13/2022/GCN-BBP |
| 14 | Phạm Thị Chinh       | Phạm Thị Chinh       |  | x | Quý Cao, X. Nguyên Giáp          | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 14/2022/GCN-BBP |
| 15 | Nguyễn Thị Nhung     | Nguyễn Thị Nhung     |  | x | P. Bến Tắm                       | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 15/2022/GCN-BBP |
| 16 | Đỗ Văn Thu           | Đỗ Văn Thu           |  | x | KDC Hoàng Gián cũ, P. Hoàng Tiến | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 16/2022/GCN-BBP |
| 17 | Tàng Thị Lan         | Tàng Thị Lan         |  | x | X. Bắc An                        | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 17/2022/GCN-BBP |
| 18 | Hoàng Thị Thụy       | Hoàng Thị Thụy       |  | x | KDC Đại Tân, P. Tân              | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 18/2022/GCN-BBP |
| 19 | Phạm Văn Duyên       | Phạm Văn Duyên       |  | x | KDC Đồng Tâm, P. Tân             | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 19/2022/GCN-BBP |
| 20 | Bùi Trí Vân          | Bùi Trí Vân          |  | x | Thôn Văn, X. Ngũ                 | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 20/2022/GCN-BBP |
| 21 | Lâm Văn Thanh        | Lâm Văn Thanh        |  | x | Quan Lộc, X. Tiên                | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 21/2022/GCN-BBP |
| 22 | Nguyễn Thị Mến       | Nguyễn Thị Mến       |  | x | La Tỉnh, TT. Tứ Kỳ               | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 22/2022/GCN-BBP |
| 23 | Đoàn Thị Ban         | Đoàn Thị Ban         |  | x | KDC Phú Lương, P. Tân            | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 23/2022/GCN-BBP |
| 24 | Trương Đình Bằng     | Trương Đình Bằng     |  | x | An Thư, X. Đồng Quang            | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 24/2022/GCN-BBP |
| 25 | Đỗ Quang Huệ         | Đỗ Quang Huệ         |  | x | Kim Ché, X. An Đức               | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 25/2022/GCN-BBP |

|          |                                                                                                           |                     |   |   |                        |               |                |                 |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---|---|------------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 26       | Nguyễn Thị Thu Hằng                                                                                       | Nguyễn Thị Thu Hằng |   | x | X. Quang Phục          | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 26/2022/GCN-BBP |
| 27       | Nguyễn Mạnh Nghiệp                                                                                        | Nguyễn Mạnh Nghiệp  |   | x | X. Quang Phục          | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 27/2022/GCN-BBP |
| 28       | Vũ Thị Anh                                                                                                | Vũ Thị Anh          |   | x | X. Tân Việt            | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 28/2022/GCN-BBP |
| 29       | Vũ Thị Mượt                                                                                               | Vũ Thị Mượt         |   | x | Đồng Tâm, X. Tiên Động | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 29/2022/GCN-BBP |
| 30       | Nguyễn Văn Hệ                                                                                             | Nguyễn Văn Hệ       |   | x | X. Thống Kênh          | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 30/2022/GCN-BBP |
| 31       | Vũ Văn Minh                                                                                               | Vũ Văn Minh         |   | x | X. Thống Kênh          | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 31/2022/GCN-BBP |
| 32       | Nguyễn Đình Đông                                                                                          | Nguyễn Đình Đông    |   | x | X. Tân Việt            | H. Thanh hà   | Tỉnh Hải Dương | 32/2022/GCN-BBP |
| 33       | Nguyễn Văn Bình                                                                                           | Nguyễn Văn Bình     |   | x | X. An Thượng           | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 33/2022/GCN-BBP |
| 34       | Phạm Nguyễn Chiêu                                                                                         | Phạm Nguyễn Chiêu   |   | x | P. Bến Tắm             | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 34/2022/GCN-BBP |
| 35       | Nguyễn Kim Đông                                                                                           | Nguyễn Kim Đông     | x |   | X. Cộng Hoà            | H. Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 35/2022/GCN-BBP |
| <b>V</b> | <b>Danh sách cơ sở buôn bán phân bón được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón năm 2023</b> |                     |   |   |                        |               |                |                 |
| 1        | Phạm Quốc Hưng                                                                                            | Phạm Quốc Hưng      |   | x | X. Gia Khánh           | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 01/2023/GCN-BBP |
| 2        | Ngô Thanh Ngân                                                                                            | Ngô Thanh Ngân      |   | x | P. Việt Hòa            | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 02/2023/GCN-BBP |
| 3        | Nguyễn Văn Quảng                                                                                          | Nguyễn Văn Quảng    |   | x | X. Phạm Kha            | H. Thanh Miện | Tỉnh Hải Dương | 03/2023/GCN-BBP |
| 4        | Phạm Đắc Huyền                                                                                            | Phạm Đắc Huyền      |   | x | X. Đức Xương           | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 04/2023/GCN-BBP |
| 5        | Hoàng Văn Cấn                                                                                             | Hoàng Văn Cấn       |   | x | X. Nhật Tân            | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 05/2023/GCN-BBP |
| 6        | Đào Văn Vương                                                                                             | Đào Văn Vương       |   | x | X. Nhật Tân            | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 06/2023/GCN-BBP |

|    |                 |                 |   |   |                |               |                |                 |
|----|-----------------|-----------------|---|---|----------------|---------------|----------------|-----------------|
| 7  | Nguyễn Văn Lập  | Nguyễn Văn Lập  |   | x | X. Đức Chính   | H. Cẩm Giàng  | Tỉnh Hải Dương | 07/2023/GCN-BBP |
| 8  | Phạm Thị Yên    | Phạm Thị Yên    |   | x | X. Gia Xuyên   | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 08/2023/GCN-BBP |
| 9  | Đinh Văn Kiên   | Đinh Văn Kiên   | x |   | X. Thanh Quang | H. Thanh Miện | Tỉnh Hải Dương | 09/2023/GCN-BBP |
| 10 | Lê Văn Tuệ      | Lê Văn Tuệ      |   | x | X. Đồng Quang  | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 10/2023/GCN-BBP |
| 11 | Phạm Thị Hương  | Phạm Thị Hương  |   | x | X. Phạm Trấn   | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 11/2023/GCN-BBP |
| 12 | Tăng Thị yền    | Tăng Thị yền    |   | x | X. Lê Lợi      | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 12/2023/GCN-BBP |
| 13 | Lê Hồng Sơn     | Lê Hồng Sơn     | x |   | P. Hoàng Tân   | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 13/2023/GCN-BBP |
| 14 | Lê Văn Quyết    | Lê Văn Quyết    | x |   | X. Cẩm Chế     | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 14/2023/GCN-BBP |
| 15 | Bùi Bá Liễu     | Bùi Bá Liễu     |   | x | X. Thống Nhất  | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 15/2023/GCN-BBP |
| 16 | Lê Văn Tuất     | Lê Văn Tuất     |   | x | X. Bạch Đằng   | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 16/2023/GCN-BBP |
| 17 | Phạm Đình Vượng | Phạm Đình Vượng |   | x | X. Cẩm Chế     | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 17/2023/GCN-BBP |
| 18 | Bùi Văn Hiệu    | Bùi Văn Hiệu    |   | x | X. Vĩnh Hồng   | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 18/2023/GCN-BBP |
| 19 | Nguyễn Văn Vĩnh | Nguyễn Văn Vĩnh |   | x | X. Hồng Khê    | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 19/2023/GCN-BBP |
| 20 | Khúc Thị Hà     | Khúc Thị Hà     |   | x | X. Thái Dương  | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 20/2023/GCN-BBP |
| 21 | Vũ Văn Chiến    | Vũ Văn Chiến    |   | x | TT. Gia Lộc    | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 21/2023/GCN-BBP |
| 22 | Đỗ Văn Tùng     | Đỗ Văn Tùng     |   | x | X. Cẩm Chế     | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 22/2023/GCN-BBP |
| 23 | Lê Thị Động     | Lê Thị Động     |   | x | X. Thanh Lang  | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 23/2023/GCN-BBP |

|    |                                 |                   |  |   |                |               |                |                 |
|----|---------------------------------|-------------------|--|---|----------------|---------------|----------------|-----------------|
| 24 | Lê Thị Bích Hường               | Lê Thị Bích Hường |  | x | X. Nguyên Giáp | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 24/2023/GCN-BBP |
| 25 | Trương Đức Diện                 | Trương Đức Diện   |  | x | X. Nguyên Giáp | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 25/2023/GCN-BBP |
| 26 | Nguyễn Thị Ngán                 | Nguyễn Thị Ngán   |  | x | X. Thanh Hải   | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 26/2023/GCN-BBP |
| 27 | Nguyễn Văn Huy                  | Nguyễn Văn Huy    |  | x | X. Liêm Mạc    | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 27/2023/GCN-BBP |
| 28 | Công ty TNHH Tonic Gold         | Đỗ Thị Nhung      |  | x | X. Thạch Lỗi   | H. Cẩm Giàng  | Tỉnh Hải Dương | 28/2023/GCN-BBP |
| 29 | Công ty CP TM TH Quang Minh     | Nguyễn Công Lâm   |  | x | X. Quang Minh  | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 29/2023/GCN-BBP |
| 30 | Nguyễn Thế Huyền                | Nguyễn Thế Huyền  |  | x | X. Văn Tổ      | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 30/2023/GCN-BBP |
| 31 | Lê Thị Xuyến                    | Lê Thị Xuyến      |  | x | TT. Thanh Miện | H. Thanh Miện | Tỉnh Hải Dương | 31/2023/GCN-BBP |
| 32 | Nguyễn Văn Hiệp                 | Nguyễn Văn Hiệp   |  | x | X. Đồng Tâm    | H. Ninh Giang | Tỉnh Hải Dương | 32/2023/GCN-BBP |
| 33 | An Văn Đa                       | An Văn Đa         |  | x | X. Liêm Mạc    | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 33/2023/GCN-BBP |
| 34 | Nguyễn Thị Nga                  | Nguyễn Thị Nga    |  | x | X. Tứ Cường    | H. Thanh Miện | Tỉnh Hải Dương | 34/2023/GCN-BBP |
| 35 | Hoàng Văn Quốc                  | Hoàng Văn Quốc    |  | x | X. Bình Xuyên  | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 35/2023/GCN-BBP |
| 36 | Nguyễn Tiến Huệ                 | Nguyễn Tiến Huệ   |  | x | X. Tân Kỳ      | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 36/2023/GCN-BBP |
| 37 | Nguyễn Hữu Sơn                  | Nguyễn Hữu Sơn    |  | x | X. Tân Kỳ      | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 37/2023/GCN-BBP |
| 38 | Nguyễn Thế Huyền                | Nguyễn Thế Huyền  |  | x | X. Đại Hợp     | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 38/2023/GCN-BBP |
| 39 | Công ty TNHH Phân bón Bow       | Bùi Đức Huy       |  | x | P. Hải Tân     | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 39/2023/GCN-BBP |
| 40 | Công ty TNHH Dịch vụ TM Côn Sơn | Mai Quốc Văn      |  | x | P. Cộng Hòa    | TP. Chí Linh  | Tỉnh Hải Dương | 40/2023/GCN-BBP |

|    |                                                                                                                          |                      |   |   |                              |               |                |                 |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---|---|------------------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 41 | Công ty TNHH Nông dược Thành Đạt                                                                                         | Đoàn Văn Đạt         | x |   | P. Tân Bình                  | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 41/2023/GCN-BBP |
| VI | <b>Danh sách các cơ sở buôn bán phân bón được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón đến ngày 31/10/2024</b> |                      |   |   |                              |               |                |                 |
| 1  | Công ty Cổ phần ATG Toàn Cầu                                                                                             | Nguyễn Thị Liên Hà   |   | x | P. Quang Trung               | TP. Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 01/2024/GCN-BBP |
| 2  | Nguyễn Đức Huy                                                                                                           | Nguyễn Đức Huy       |   | x | TT. Gia Lộc                  | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 02/2024/GCN-BBP |
| 3  | Công ty TNHH Nông dược Nam Hải                                                                                           | Nguyễn Đức Dũng      | x |   | X. Nam Hồng                  | H. Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 03/2024/GCN-BBP |
| 4  | Nguyễn Minh Thuận                                                                                                        | Nguyễn Minh Thuận    |   | x | X. Đại Sơn                   | H. Từ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 04/2024/GCN-BBP |
| 5  | Lý Thị Thúy                                                                                                              | Lý Thị Thúy          |   | x | X. Hùng Thắng                | H. Bình Giang | Tỉnh Hải Dương | 05/2024/GCN-BBP |
| 6  | Nguyễn Thị Hồng Thắm                                                                                                     | Nguyễn Thị Hồng Thắm |   | x | TT. Gia Lộc                  | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 06/2024/GCN-BBP |
| 7  | Vũ Văn Bộ                                                                                                                | Vũ Văn Bộ            |   | x | X. Gia Lương                 | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 07/2024/GCN-BBP |
| 8  | Nguyễn Văn Luận                                                                                                          | Nguyễn Văn Luận      |   | x | X. Hoàng Diệu                | H. Gia Lộc    | Tỉnh Hải Dương | 08/2024/GCN-BBP |
| 9  | Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Hoa Nam Glory                                                                     | Đào Hải Nam          |   | x | X. Quang Phục                | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 09/2024/GCN-BBP |
| 10 | Lê Thị Quyên                                                                                                             | Lê Thị Quyên         |   | x | Ngọc Lý, X. Ngọc             | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 10/2024/GCN-BBP |
| 11 | Phạm Văn Tám                                                                                                             | Phạm Văn Tám         |   | x | Số 5, Trần Hưng Đạo, TT. Nam | H. Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 11/2024/GCN-BBP |
| 12 | Vũ Thị Hoa                                                                                                               | Vũ Thị Hoa           |   | x | Ngọc Diễm, X. Th             | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 12/2024/GCN-BBP |
| 13 | Trần Thị Hè                                                                                                              | Trần Thị Hè          |   | x | Quảng Bình, X. Đ             | H. Kim Thành  | Tỉnh Hải Dương | 13/2024/GCN-BBP |
| 14 | Nguyễn Văn Hường                                                                                                         | Nguyễn Văn Hường     |   | x | Thụy Trà, X. Nam             | H. Nam Sách   | Tỉnh Hải Dương | 14/2024/GCN-BBP |

|    |                               |                 |   |   |                        |               |                |                 |
|----|-------------------------------|-----------------|---|---|------------------------|---------------|----------------|-----------------|
| 15 | Nguyễn Đức Tiến               | Nguyễn Đức Tiến |   | x | Đội 11, X. Thanh       | H. Thanh Hà   | Tỉnh Hải Dương | 15/2024/GCN-BBP |
| 16 | Nguyễn Tiến Huệ               | Nguyễn Tiến Huệ |   | x | Đỗ Thượng, X. Ph       | H. Thanh Miện | Tỉnh Hải Dương | 16/2024/GCN-BBP |
| 17 | Nguyễn Hữu Doãn               | Nguyễn Hữu Doãn |   | x | Thái An, X. Quang      | H. Tứ Kỳ      | Tỉnh Hải Dương | 17/2024/GCN-BBP |
| 18 | Lê Trường Xuân                | Lê Trường Xuân  |   | x | KDC Dương Nhan         | TX. Kinh Môn  | Tỉnh Hải Dương | 18/2024/GCN-BBP |
| 19 | Công ty TNHH Quốc tế Fujinuco | Lý Quang Lâm    | x |   | Điền, X. Lương<br>Điền | H. Cẩm Giàng  | Tỉnh Hải Dương | 19/2024/GCN-BBP |